

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội - Tháng 2 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội đệ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012626 ngày 7 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 24 tháng 10 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại số 438 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Ngọc Thương	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
	Ông Lê Văn Vĩnh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thành Thiên	Ủy viên
	Ông Trần Đắc Xuân	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Lê Văn Vĩnh	Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bình	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Lê Văn Vĩnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		32.812.956.758	35.203.711.622
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.768.212.228	4.467.999.141
1. Tiền	111		2.768.212.228	4.467.999.141
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.291.787.513	23.864.904.570
1. Phải thu khách hàng	131		22.583.823.793	21.600.709.804
2. Trả trước cho người bán	132		2.684.596.230	2.249.203.691
5. Các khoản phải thu khác	135		23.367.490	14.991.075
IV- Hàng tồn kho	140		4.739.957.017	6.840.183.607
1. Hàng tồn kho	141	5.2	4.739.957.017	6.840.183.607
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		13.000.000	30.624.304
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.000.000	30.624.304
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		14.326.817.374	13.598.102.517
II Tài sản cố định	220		12.443.567.678	11.521.418.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.3	1.624.721.268	1.801.998.225
- Nguyên giá	222		6.784.172.499	6.441.355.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.159.451.231)	(4.639.357.684)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.4	8.437.205.000	8.601.696.000
- Nguyên giá	228		8.975.572.591	8.960.125.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(538.367.591)	(358.429.760)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	2.381.641.410	1.117.724.393
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	1.761.677.021	1.902.917.423
1. Nguyên giá	241		3.135.175.910	3.135.175.910
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.373.498.889)	(1.232.258.487)
V. Tài sản dài hạn khác	260		121.572.675	173.766.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		98.252.675	143.246.476
3. Tài sản dài hạn khác	268		23.320.000	30.520.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		47.139.774.132	48.801.814.139

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		9.633.109.785	13.979.163.863
I- Nợ ngắn hạn	310		9.219.681.089	13.529.724.667
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	-	5.590.000.000
2. Phải trả người bán	312		244.140.474	244.631.015
3. Người mua trả tiền trước	313		211.626.230	31.326.370
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	878.447.520	1.120.769.164
5. Phải trả người lao động	315		1.906.854.653	2.829.629.625
6. Chi phí phải trả	316		70.000.000	159.687.026
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.9	5.401.148.348	3.383.447.439
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		507.463.864	170.234.028
II- Nợ dài hạn	330		413.428.696	449.439.196
3. Phải trả dài hạn khác	333		128.010.500	156.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		285.418.196	293.439.196
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		37.506.664.347	34.822.650.276
I- Vốn chủ sở hữu	410		37.506.664.347	34.822.650.276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.10	21.000.000.000	21.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.10	5.645.019.623	3.083.284.641
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.10	1.451.731.272	649.604.436
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.10	9.409.913.452	10.089.761.199
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		47.139.774.132	48.801.814.139

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011
 Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Lan

Lê Văn Vĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.11	719.152.994.931	580.198.340.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		719.152.994.931	580.198.340.809
4. Giá vốn hàng bán	11	5.12	693.372.895.551	555.837.109.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.780.099.380	24.361.230.985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.13	93.371.031	2.523.075.909
7. Chi phí tài chính	22	5.14	746.464.747	202.922.778
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		746.464.747	202.922.778
8. Chi phí bán hàng	24		10.780.051.514	10.962.847.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.475.905.172	4.475.444.652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		9.871.048.978	11.243.091.474
11. Thu nhập khác	31	5.15	137.884.972	357.991.856
12. Chi phí khác	32	5.15	3.567.273	10.736.495
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		134.317.699	347.255.361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.005.366.677	11.590.346.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	1.180.109.042	947.481.309
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.825.257.635	10.642.865.526
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	4.203	5.068

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011
 Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Lan

Lê Văn Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		786.221.712.445	624.867.831.281
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(760.017.620.125)	(612.462.753.240)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.151.469.653)	(9.876.048.621)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(746.464.747)	(202.922.778)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.497.890.069)	(78.309.151)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.094.465.521	1.856.485.225
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.873.637.070)	(14.160.376.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.029.096.302	(10.056.093.512)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.262.678.364)	(616.382.321)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		93.371.031	250.822.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.169.307.333)	(365.559.678)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.240.000.000	29.740.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.830.000.000)	(24.150.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.969.575.882)	(1.913.923.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.559.575.882)	3.676.076.584
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.699.786.913)	(6.745.576.606)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.467.999.141	11.213.575.747
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2.768.212.228	4.467.999.141

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011
 Giám đốc

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Ngọc Lan

Lê Văn Vĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội là Công ty cổ phần thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012626 ngày 7 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ 21.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	1.077.200 cổ phiếu bằng 10.772.000.000 đồng tỷ lệ 51,3 %
Cổ đông khác	1.022.800 cổ phiếu bằng 10.228.000.000 đồng tỷ lệ 48,7 %

Trụ sở chính của Công ty tại số 438 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân: 187 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh xăng dầu nhiên liệu xăng, dầu Diezen, dầu lửa, dầu mazút; dầu mỡ bôi trơn và công nghiệp, gas, than và hàng công nghiệp tiêu dùng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu, kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên dùng phục vụ kinh doanh xăng dầu: Cột bơm xăng, các loại ống dẫn và phụ tùng phục vụ xăng dầu;
- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm, điện máy, thực phẩm công nghệ, nông thổ sản;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ khách sạn, dịch vụ du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí, (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cho thuê nhà làm văn phòng làm việc cho khách trong và ngoài nước bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2010 là kinh doanh xăng dầu nhiên liệu và cho thuê văn phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm tài chính trước.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2010</u> <u>(số năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư gồm nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 20 đến 50 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ tài chính, Bộ Công thương và các Cơ quan có liên quan qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Năm 2010 là năm cuối cùng công ty được áp dụng ưu đãi thuế mới mức ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp cho các doanh nghiệp cổ phần hóa.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	836.078.353	993.441.132
Tiền gửi ngân hàng	1.932.133.875	3.474.558.009
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	2.768.212.228	4.467.999.141

5.2 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.567.500	1.692.419
Hàng hoá	4.699.389.517	6.838.491.188
Tổng	4.739.957.017	6.840.183.607

5.3 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	3.124.425.120	2.539.253.567	360.000.000	417.677.222	6.441.355.909
Tăng trong năm	158.317.270	220.600.000	-	-	378.917.270
Mua trong năm	158.297.673	220.600.000	-	-	378.897.673
Tăng khác	19.597	-	-	-	19.597
Giảm trong năm	25.935.000	10.165.680	-	-	36.100.680
Thanh lý, nhượng bán	25.935.000	10.165.680	-	-	36.100.680
Số dư tại 31/12/2010	3.256.807.390	2.749.687.887	360.000.000	417.677.222	6.784.172.499
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	1.998.027.744	2.066.954.908	360.000.000	214.375.032	4.639.357.684
Tăng trong năm	272.189.369	221.254.733	-	62.750.125	556.194.227
Khấu hao trong năm	272.189.369	221.254.733	-	62.750.125	556.194.227
Giảm trong năm	25.935.000	10.165.680	-	-	36.100.680
Thanh lý, nhượng bán	25.935.000	10.165.680	-	-	36.100.680
Số dư tại 31/12/2010	2.244.282.113	2.278.043.961	360.000.000	277.125.157	5.159.451.231
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	1.126.397.376	472.298.659	-	203.302.190	1.801.998.225
Tại 31/12/2010	1.012.525.277	471.643.926	-	140.552.065	1.624.721.268

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.330.669.104 đồng (năm 2009 là 2.496.239.285 đồng).

5.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 50 năm tại số 1 Thi Sách và số 5 Dã Tượng với nguyên giá 8.975.572.591 đồng, thời gian trích khấu hao theo thời gian thuê là 50 năm, hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 538.369.591 đồng.

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.117.724.393	486.242.909
Tăng	1.271.771.545	659.981.484
Kết chuyển tài sản cố định	-	2.000.000
Giảm khác	7.854.528	26.500.000
Tại ngày 31 tháng 12	2.381.641.410	1.117.724.393

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Dự án số 1 Đông Tác	210.906.090	102.663.818
Dự án Dã Tượng	433.509.091	204.097.727
Dự án Thi Sách	328.390.817	160.554.727
Dự án 233 Khâm Thiên	545.556.502	433.789.229
Dự án số 249 Thụy Khuê	394.196.728	3.634.000
Dự án 17 Hồng Mai	320.900.364	205.130.364
Văn phòng Công ty		7.854.528
Dự án 189A Tây Sơn	148.181.818	-
	2.381.641.410	1.117.724.393

5.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa và các kiot sử dụng với mục đích cho thuê. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 20-50 năm. Tại thời điểm 31/12/2010, nguyên giá bất động sản đầu tư 3.135.175.910 đồng, khấu hao lũy kế 1.373.498.889 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	5.590.000.000
Tổng	-	5.590.000.000

5.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	197.187.305	87.950.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.105.826	945.886.853
Thuế thu nhập cá nhân	18.996.898	4.786.677
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	34.157.491	82.145.161
Tổng	878.447.520	1.120.769.164

5.9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	3.003.666
Kinh phí công đoàn	52.894.050	105.388.050
Bảo hiểm xã hội	8.168.101	-
Bảo hiểm y tế	2.274.650	2.194.968
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.337.506.401	3.272.860.755
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>4.876.375.000</i>	<i>2.671.785.000</i>
<i>Đền bù giải phóng mặt bằng quây Ngô Quyền</i>	<i>298.575.511</i>	<i>358.470.711</i>
<i>Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô</i>	<i>143.027.090</i>	<i>223.076.244</i>
<i>Đền bù GPMB tại số 1 Đông Tác</i>	<i>14.428.800</i>	<i>14.428.800</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>5.100.000</i>	<i>5.100.000</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	305.146	
Tổng	5.401.148.348	3.383.447.439

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	21.000.000.000	3.083.284.641	649.604.436	2.904.806.689	27.637.695.766
Tăng trong năm	-	-	-	10.642.865.526	10.642.865.526
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	10.642.865.526	10.642.865.526
Giảm trong năm	-	-	-	3.457.911.016	3.457.911.016
Chi trả cổ tức	-	-	-	2.520.000.000	2.520.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	75.922.000	75.922.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	861.989.016	861.989.016
Số dư tại 31/12/2009	21.000.000.000	3.083.284.641	649.604.436	10.089.761.199	34.822.650.276
Số dư tại 01/01/2010	21.000.000.000	3.083.284.641	649.604.436	10.089.761.199	34.822.650.276
Tăng trong năm	-	2.561.734.982	802.126.836	8.825.257.635	12.189.119.453
Phân phối lợi nhuận	-	2.561.734.982	802.126.836	-	3.363.861.818
Lãi trong năm	-	-	-	8.825.257.635	8.825.257.635
Giảm trong năm	-	-	-	9.505.105.382	9.505.105.382
Chi trả cổ tức	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	-	894.116.728	894.116.728
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.410.988.654	4.410.988.654
Số dư tại 31/12/2010	21.000.000.000	5.645.019.623	1.451.731.272	9.409.913.452	37.506.664.347

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	10.772.000.000	10.772.000.000
Cổ đông khác	10.228.000.000	10.228.000.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.000.000.000	21.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.200.000.000	2.520.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.645.019.623	3.083.284.641
Quỹ dự phòng tài chính	1.451.731.272	649.604.436
Tổng	7.096.750.895	3.732.889.077

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	716.782.925.427	577.849.258.978
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.370.069.504	2.349.081.831
Tổng	719.152.994.931	580.198.340.809

5.12 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	692.605.550.534	555.303.356.901
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	767.345.017	533.752.923
Tổng	693.372.895.551	555.837.109.824

5.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.371.031	250.822.643
Doanh thu hoạt động tài chính khác (Chiết khấu thanh toán)	-	2.272.253.266
Tổng	93.371.031	2.523.075.909

5.14 Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	746.464.747	202.922.778
Tổng	746.464.747	202.922.778

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 Lợi nhuận khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác	137.884.972	357.991.856
Đền bù giải phóng mặt bằng	124.628.574	294.656.956
Thu nhập khác	13.256.398	63.334.900
Chi phí khác	3.567.273	10.736.495
Các khoản tiền phạt	2.367.273	10.000.000
Chi phí khác	1.200.000	736.495
Tổng	3.567.273	10.736.495
Lợi nhuận từ hoạt động khác	134.317.699	347.255.361

5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.005.366.677	11.590.346.835
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	98.366.383	100.000.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (chia lãi liên doanh liên kết trước thuế)	894.116.728	861.989.016
Thu nhập tính thuế	9.209.616.332	10.828.357.819
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.302.404.083	2.707.089.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.122.295.041	1.353.544.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009	-	406.063.418
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	1.180.109.042	947.481.309
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.180.109.042	947.481.309

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.825.257.635	10.642.865.526
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.825.257.635	10.642.865.526
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.203	5.068

5.18 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	397.542.190	224.930.834
Chi phí nhân công	12.078.891.515	12.229.996.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.372.460	825.026.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.195.061	514.776.004
Chi phí khác bằng tiền	1.938.587.145	2.008.503.778
Tổng	15.758.588.371	15.803.233.596

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan (Doanh thu bán hàng)	Năm 2010
	VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	61.203.364.115
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô (Xí nghiệp xe điện Hà Nội)	35.945.454.913
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	39.170.250.173
Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	26.588.616.364
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	53.363.830.018
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp	8.216.046.890
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	6.529.373.868
Tổng	231.016.936.341

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan (công nợ phải thu)	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Xí nghiệp Xe buýt 10/10	4.016.114.930	8.163.651.780
Xí nghiệp Xe buýt Thủ đô	2.304.186.000	2.882.959.900
Xí nghiệp Xe buýt Thăng long	2.788.418.460	2.386.463.020
Trung tâm Tân Đạt	3.845.857.862	2.160.725.380
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	3.321.997.980	1.687.809.960
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp	526.711.460	310.271.784
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	3.785.654.900	2.266.934.000
Tổng	20.588.941.592	19.858.815.824

c. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao Hội đồng Quản trị	156.000.000	156.000.000
Ban điều hành	Thu nhập Ban điều hành	417.968.911	435.073.596

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2011
Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Lan

Lê Văn Vĩnh